

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *332*/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ áp cho vùng nuôi
xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hóa thuộc dự án Nguồn lợi ven
biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/BXD ngày 30/6/2016 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ áp cho vùng nuôi xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hóa thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB;

Căn cứ Công văn số 9874/UBND-NN ngày 22/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương điều chỉnh, bổ sung thiết kế BVTC, dự toán xây dựng hạng mục công trình các tiểu dự án thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 155/TTr-SNN&PTNT ngày 28/9/2017 về việc Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình; trên cơ sở thẩm định của Sở Công thương tại Công văn số 2160/SCT-QLĐN ngày 15/9/2017 về việc kết quả thẩm định thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình (phần điều chỉnh bổ sung) tiểu dự án: Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ áp cho vùng nuôi xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hóa thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ áp cho vùng nuôi xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hóa thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB, với nội dung chủ yếu sau:

1. Khái quát về dự án:

Tiểu dự án Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ áp cho vùng nuôi xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hóa thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 với tổng mức đầu tư là 7.206,254 triệu đồng, nguồn vốn vay WB hỗ trợ phần xây lắp và thiết bị, các chi phí còn lại thuộc nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác với mục tiêu đưa nguồn điện lưới quốc gia phục vụ phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi hình thức nuôi từ quảng canh sang bán thâm canh- thâm canh để tăng năng suất nuôi trồng thủy sản, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tăng thu nhập để cải thiện mức sống cho nhân dân xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hóa.

2. Lý do điều chỉnh:

Để đảm bảo an toàn kỹ thuật cho công trình và phù hợp với tình hình thực tế cần phải gia cố móng một số vị trí và móng trạm biến áp số 7,8, dịch chuyển vị trí cột trung thế và hạ thế ra khỏi hành lang an toàn đê, nâng chiều cao cột tại các vị trí vượt đê và các phụ kiện kèm theo.

Các nội dung trên cần được bổ sung vào tiểu dự án và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã đồng ý chủ trương tại Công văn số 9874/UBND-NN ngày 22/8/2017.

3. Nội dung điều chỉnh:

Đoạn tuyến đường dây 35kV cấp điện cho TBA số 7 và số 8: 160kVA -- 35/0,4kV cấp điện cho vùng nuôi xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hóa, có một số vị trí cột do địa hình biến động vì đây là khu vực ruộng trồng còi được cải tạo thành ao nuôi trồng thủy sản, nền đất chủ yếu do chủ ao nuôi nạo vét, bồi đắp nên chưa ổn định. Do đó, việc thi công các vị trí móng cột tại đây có nguy cơ lún cao, gây nên hiện tượng có thể bị đổ cột khi có mưa gió. Do vậy, việc gia cố bằng phương pháp đóng cọc tre đáy móng để đảm bảo an toàn cho các vị trí móng cột là hết sức cần thiết.

3.1. Đường dây 35 KV:

Tại vị trí cột số 10, 11 do tuyến vượt đê nên để đảm bảo khoảng cách an toàn từ dây dẫn xuống mặt đê thì cần phải nâng cao khoảng cột (thay cột LT-14m bằng cột LT-20m).

Điều chỉnh hướng tuyến trung thể ra khỏi mốc hành lang để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Khối lượng tăng có đơn giá trong hợp đồng: Cột bê tông li tâm: LT – 12B = 01 cột, sứ đứng SĐ-35kV + ty mạ = 06 quả, chuỗi néo Polime 35KV + phụ kiện = 06 chuỗi, cặp cáp KNO-70 = 12 cái.

- Khối lượng giảm có đơn giá trong hợp đồng: Cột bê tông li tâm: LT – 14B = 02 cột, LT – 14C = 02 cột, móng cột bê tông MT5-1,8(GC-1,5) = 04 móng, MTD3-1,8(GC-1,5) = 02 móng.

- Phần khối lượng điều chỉnh bổ sung: Cột bê tông li tâm: LT – 20B = 04 cột, móng cột bê tông MT5(GC)-DC = 04 móng, MTD3(GC)-DC = 02 móng, xà XNsc-2TN-35 = 01 bộ, Xà XĐV-35 = 01 bộ, giằng cột GC1 = 02 bộ, GC2 = 02 bộ, GC3 = 02 bộ, GC4 = 02 bộ.

3.2. Trạm biến áp:

- Khối lượng giảm có đơn giá trong hợp đồng: Xà hãm dây đầu trạm XHD = 01 bộ.

- Phần khối lượng điều chỉnh bổ sung: Xà đón dây đầu trạm dọc tuyến = 01 bộ.

3.3.3. Đường dây 0,4kV:

Điều chỉnh chiều cao cột tại các vị trí: 1a, 2b, 1c, 2c, 16d, 17d, 19d, 20d, 21d và bỏ vị trí cột số 1b.

Gia cố lại một số vị trí móng cột, điều chỉnh loại móng tại các vị trí: 1a, 1c, 14d, 16d, 17d, 19d, 20d, 21d.

Điều chỉnh hướng tuyến hạ thế ra khỏi mốc hành lang để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Khối lượng tăng có đơn giá trong hợp đồng: Cột bê tông vuông: H-7,5B = 02 cột, móng cột MHcd(GC)-1,2 = 03 móng, xà XNĐ-4 = 03 bộ, XNĐ-4a = 01 bộ, XN(2TN)-4 = 01 bộ.

- Khối lượng giảm có đơn giá trong hợp đồng: Cột bê tông li tâm: LT – 14B = 08 cột, LT – 14C = 02 cột, LT – 10C = 01 cột, móng cột bê tông MH3-1,2 = 04 móng, MT3-1,5 = 01 móng, MT5a-2,0 = 01 móng, MT5a(GC)-2,0 = 01 móng, MTD3-2,0 = 01 móng, xà XĐ-4 = 04 bộ, xà XN-4T = 04 bộ, xà XN(2TD)-4 = 04 bộ, sứ A30+ty mạ = 16 quả, dây AV70 = 501m, AV50 = 167m.

- Phần khối lượng điều chỉnh bổ sung: Cột bê tông li tâm: LT – 16B = 12 cột, LT – 12B = 02 cột, móng cột bê tông MTD3(GC)-DC = 04 móng, xà XNV(2TD)-4 = 11 bộ, giằng cột GC1 = 06 bộ, GC2 = 06 bộ, GC3 = 04 bộ, sứ đứng SĐ-10kV + ty mạ = 56 quả, dây AC-70/11 = 1.020m, AC-50/8 = 340m

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh:

7.200.330.000 đồng;

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	5.089.642.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	402.151.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	131.308.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	504.485.000 đồng;
- Chi phí khác:	415.853.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	656.891.000 đồng.

(Có Phụ biểu kèm theo)

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Kéo dài thời gian thực hiện đối với gói thầu có phần khối lượng bổ sung và các gói thầu khác liên quan theo quy định xong trước quý IV năm 2017.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này, chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Công thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Ban quản lý dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN (A364)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Công trình: Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ áp cho vùng nuôi xã Hoàng Phông, huyện Hoàng Hóa thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB

(Kèm theo Quyết định số 3132/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư điều chỉnh
I	Chi phí xây dựng (Gxd)	5.089.642.000
1	Chi phí xây dựng tại QĐ số 651/SNN&PTNT ngày 05/9/2016	4.767.480.000
2	Chi phí xây dựng bổ sung	322.162.000
II	Chi phí thiết bị (Gtb)	402.151.000
	Chi phí thiết bị tại QĐ số 651/SNN&PTNT ngày 05/9/2016	402.151.000
III	Chi phí quản lý dự án (Gqlđa)	131.308.000
1	Chi phí QLDA theo QĐ số 3118/QĐ-UBND ngày 18/8/2016	123.526.000
2	Chi phí QLDA bổ sung	7.782.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gvt)	504.485.000
1	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo QĐ số 3118/QĐ-UBND ngày 18/8/2016	504.485.000
V	Chi phí khác (Gk)	415.853.000
1	Chi phí khác theo QĐ số 3117/QĐ-UBND ngày 18/8/2016	393.686.000
2	Chi phí khác bổ sung	20.786.000
VI	Chi phí dự phòng	656.891.000
1	Dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh	328.445.651
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	328.445.651
	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	7.200.330.000